THỜI KHÓA BIỂU HỌC KÌ II - NĂM HỌC 2021 - 2022 (Áp dụng từ 17.01.2022)

KHỐI 12 & KHỐI 11 - BUỔI SÁNG

TG/Lớp	12A1	12A2	12A3	12A4	12A5	12A6	12A7	12B1	12B2	12B3	12B4	12C	12D	12E	12G	12H
PHC	202	203	204	205	206	207	208	209	210	212	213	214	216	217	218	303
NN	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Ng-Đ	Nh-Đ	P-Tr	H-Tr	Pháp	Nhật	Trung	Đức	Hàn
S2	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt
	Văn	Hóa	Toán	GDCD	Văn	CN	Toán	Nga	Đức	Pháp	Trung	Pháp	Nhật	Trung	Đức	Hàn3(23)
	Văn	CN	Toán	Sinh	Văn	Toán	Anh	Đức	Nhật	Trung	Trung	Pháp	Nhật	Trung	Đức	Hàn7(234)
	Anh	Văn	Văn	Tin	Toán	Hóa	Anh	Nga	Đức	Pháp	Trung	Pháp	Nhật	Trung	Đức	Hàn3(4)
	Anh	Văn	Văn		Toán		Anh	Hóa				Hóa	Văn		Tin	
PHT																
PHT																
S3	Sinh	Anh	Toán	Văn	Sinh	Anh	Lý	Toán	Toán	Tin	Sinh	Lý	Sử	Văn	Văn	Hóa
	GDCD	Anh	CN	Văn	Hóa	Anh	Địa	Toán	Toán	Toán	Lý	Sử	Sinh	Văn	Văn	Hóa
	Hóa	Anh	Lý	Hóa	Lý	Anh	CN	Văn	Tin	Toán	Văn	Sinh	Văn	Sinh	Sử	Văn
	Anh	Toán	Tin	Anh	Anh	Văn	GDCD	Văn	Địa	Lý	Văn	Hóa	Văn	Hóa	Sinh	Văn
	Anh			Anh	Anh	Văn	Toán	Địa		Hóa			Hóa	Lý		Sinh
PHT																
PHT																
S4	Địa	Sử	Hóa	Anh	Tin	Lý	Toán	Lý	Sinh	Địa	Toán	CN	Toán	GDCD	Hóa	Toán
	Toán	Lý	Sử	Anh	Hóa	Toán	Văn	Sinh	Hóa	Văn	Toán	Địa	GDCD	CN	Toán	Toán
	Tin	Lý	Anh	Địa	Lý	Sinh	Văn	Sử	Sử	Văn	Tin	GDCD	Toán	Toán	Toán	Toán
	CN	Địa	Anh	Lý	Sử	Toán			Toán		Sử	Tin	Toán	Toán	Toán	Địa
		Tin	Anh	Lý	CN	Hóa			Toán					Toán		Sử
PHT																
PHT																
S5	Sử	Sinh	Toán	Văn	Toán	Anh	Sinh	CN	GDCD	Toán	Toán	Toán	Tin	Hóa	Văn	Hàn3(12)
	Lý	GDCD	Toán	Văn	Toán	Anh	Sử	GDCD	Hóa	Sinh	Hóa	Toán	Hóa	Lý	Văn	Hàn7(123)
	Hóa	Toán	Văn	Sử	Toán	Anh	Hóa	Đức	Đức	Lý	Toán	Toán	Nhật	Toán	Đức	Hàn3(3)
	Anh	Toán	Văn	Hóa	Anh	Sử	Lý	Nga	Nhật	GDCD	Toán	Lý	Nhật	Toán	Đức	Văn
	Anh	Hóa	Sinh		Anh		Hóa	Đức	Đức	Toán	GDCD		Nhật	Sử	Đức	Văn
PHT																
PHT																
S6	Văn	Toán	Địa	Anh	Anh	Tin	Toán	Toán	Văn	Trung	Trung	Pháp	Lý	Trung	Hóa	Lý
	Văn	Toán	Lý	Anh	Anh	Lý	Toán	Tin	Văn	Pháp	Trung	Pháp	Toán	Trung	Địa	Toán
	Toán	Anh	Anh	Toán	Địa	Toán	Anh	Văn	Lý	Trung	Trung	Pháp	Địa	Trung	Toán	Toán
	Toán	Anh	Anh	Toán		Toán	Anh	Văn	Lý	Sử	Địa	Văn	CN	Tin	Toán	Lý
		Anh	Anh			Địa	Anh			Toán	Lý	Văn	Lý	Địa		
PHT																
PHT																
S7	Toán	Văn	GDCD	Toán	Văn	Văn	Văn	Toán	CN		Hóa	Toán	Văn	Văn	Lý	GDCD
	Lý	Văn	Hóa	Toán	GDCD	Văn	Văn	Toán	Văn	Văn	CN	Toán	Toán	Văn	GDCD	Tin
	Toán			Toán	Văn	GDCD	Tin	Hóa	Văn	Văn	Văn	Văn			Lý	CN
								Lý	Toán	Hóa	Văn	Văn			CN	
										CN						
PHT																

TG/Lớp	11A1	11A2	11A3	11A4	11A5	11A6	11A7	11A8	11B1	11B2	11C	11D	11E	11G
PHC	304	305	306	307	308	309	312	313	314	316	317	318	403	404
NN	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	A-Đ	A-H	Ng-P	Nhật	Trung	Đức
S2	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt
	Văn	Văn	ToánTA	Sinh	Tin	Văn	Sử	Văn	Hóa	Văn	Lý	Toán	Sinh	Hóa
	Văn	Văn	GDCD	Toán	Văn	Tin	Hóa	Văn	Văn	Văn	Hóa	Toán	Văn	Toán
	Toán	ToánTA	Sinh	Toán	Văn	Văn	Toán	GDCD	Văn	CN	Văn	Tin	Toán	Toán
		Sinh			Toán			Lý		Hóa	Văn	CN	Văn	Toán
PHT														
PHT														
S3	Toán	Địa	Văn	Toán	Hóa	Toán	CN	Toán	Hóa	Toán	Toán	Văn	Lý	Toán
	Sinh	Lý	Văn	Hóa	Toán	Toán	Lý	Toán	Sinh	Toán	Toán	Văn	Tin	Văn
	Toán	Văn	Toán	Toán	Hóa	Toán	Sinh	Toán	Địa	Lý	Pháp	GDCD	Toán	Văn
	Toán	Văn	Toán	Toán	CN		Toán			Lý	Pháp	Hóa	Toán	Lý
	Tin			CN	Toán		Toán				Pháp			
PHT														
PHT														
S4	Sử	Toán	Lý	GDCD	Lý	ToánTA	Văn	Hóa	Toán	Tin	GDCD	Toán	Toán	Toán
	GDCD	Toán	Tin	ToánTA	Lý	Lý	Văn	Tin	Toán	Toán	Lý	Toán	Toán	Hóa
	Toán	Toán	Hóa	Lý	GDCD	Văn	ToánTA	Hóa	Toán	Toán	Hóa	Toán	GDCD	CN
	Lý	Tin	Hóa			Văn	GDCD	ToánTA	Lý	Toán	Hóa	Toán		Sinh
			Toán			GDCD					Tin			
PHT														
PHT														
S5	Lý	Hóa	Lý	Sử	Văn	Hóa	Địa	Văn	GDCD	Văn	Địa	Hóa	Văn	Văn
	CN	Sử	Toán	Tin	Văn	Sinh	Văn	Văn	Lý	Địa	Văn	Sử	Hóa	Văn
	Hóa	GDCD	Toán	Văn	Sinh	Lý	Văn	Địa	Văn	Hóa	CN	Lý	Địa	GDCD
	Hóa	Hóa	CN	Văn	Toán	Sử	Hóa	Sinh	Văn	GDCD	Địa		Văn	Tin
				Địa	Toán	CN			Tin				Văn	
PHT														
PHT														
S6	Văn	Toán	Văn	Văn	Địa	Toán	Toán	CN	Toán	ToánTA	Sinh	Lý	Lý	Sử
	Văn	Toán	Văn	Hóa	Sử	Địa	Toán	Lý	ToánTA	Văn	Sử	Sinh	CN	Địa
	Địa	CN	Sử	Lý	ToánTA	Toán	Tin	Toán	Toán	Văn	Toán	Văn	Sử	Lý
	Toán	Lý	Địa	Văn		Hóa	Lý	Toán	Sử	Sinh	Toán	Văn		
								Sử	CN					
PHT														
PHT														
S7	Toán	GDCD	Sinh	Hóa	Toán	Toán	Hóa	Văn	Sinh	Lý	Văn	Sử	Toán	Hóa
	Toán	CN	ToánTA	Lý	GDCD	Toán	Hóa	Sinh	Toán	Tin	GDCD	Lý	Hóa	Sử
	Toán	ToánTA	Tin	Hóa	Toán			CN	Toán	Lý		Lý		GDCD
												Pháp7(4)		
												Pháp7(5)		
PHT														
PHT														
S5	Sinh	Lý	Văn	Sử	ToánTA	Hóa	Văn	Địa	Lý	Toán	Toán	Toán	Tin	Toán	Sử
	Địa	Hóa	Văn	Toán	Sử	Sinh	Văn	ToánTA	Lý	Địa	Sử	Toán	Toán	Tin	Lý
	Sử	Văn	Hóa	Địa	Địa	Sử	ToánTA	Toán	Toán	Toán	Lý	Pháp(3)	Văn	Lý	Tin
	Hóa	Văn	Sử	ToánTA	Sinh	Lý	Sử	Toán	Toán	Sử	Tin	Pháp(4)	Văn	Toán	Lý
	Hóa	Sử	Địa			Lý			ToánTA			Pháp(5)			
PHT														
PHT														
S6	Lý	Toán	Toán	Văn	Văn	GDCD	Toán	Toán	Văn	Văn	Địa	Toán	Văn	Hóa
	Tin	Toán	Toán	Văn	Văn	Văn	Lý	Toán	Văn	Toán	Địa	Văn	CN	Văn	Hóa
	Văn	Tin	Toán	Toán	Lý	Toán	GDCD	Văn	Địa	Văn	Toán	Hóa	Toán	Văn	Toán
	Văn	Toán		Lý	Toán	Tin	Toán	Văn		Văn	Toán	Địa	Toán	CN	
				Toán	Toán	Văn	Toán			Lý	Văn	CN	Hóa		
PHT														

TG/Lớp	CÁC LỚP 10 - TIẾNG ANH										10B	10C	10D	10E	10G	Thứ
PHC																Phòng
NN	Anh1	Anh2	Anh6	Anh7	Anh9	Anh15	Anh16				Ng-H	P-Đ	Nhật	Trung	Đức	NN
S2	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh									S2
	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh									
	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh									
	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh									
PHT																PHT
	Anh2	Anh5	Anh6	Anh9	Anh10	Anh12	Anh13	Anh14								PHT
S3	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh			Nga	Pháp3(123)	Nhật	Trung	Đức	S3
	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh			Hàn	Đức(12)	Nhật	Trung	Đức	
	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh			Nga	Pháp7(34)	Nhật	Trung	Đức	
	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh			Hàn	Đức(34)	Nhật	Trung	Đức	
												Pháp7(5)				
PHT																PHT
PHT																PHT
S4	NN2	NN2	NN2	NN2	NN2	NN2	NN2	NN2	NN2	NN2	NN2	NN2	NN2	NN2	NN2	S4
	NN2	NN2	NN2	NN2	NN2	NN2	NN2	NN2	NN2	NN2	NN2	NN2	NN2	NN2	NN2	
	NN2	NN2	NN2	NN2	NN2	NN2	NN2	NN2	NN2	NN2	NN2	NN2	NN2	NN2	NN2	
												Pháp				
												Pháp				
PHT																PHT
PHT																PHT
	Anh1	Anh3	Anh4	Anh7	Anh8	Anh11	Anh12	Anh15	Anh16							
S5	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh			Trung				S5
	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh		Hàn	Trung				
	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh		Nga	Trung				
	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh		Hàn	Trung				
PHT																PHT
PHT																PHT
	Anh3	Anh4	Anh5	Anh8	Anh10	Anh11	Anh13	Anh14								
S6	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh			Hàn	Đức	Nhật		Đức	S6
	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh			Hàn	Đức	Nhật		Đức	
	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh			Hàn	Đức	Nhật		Đức	
	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh				Đức	Nhật		Đức	
PHT																PHT
PHT																PHT
	Anh3	Anh5	Anh7	Anh8	Anh9	Anh10	Anh13	Anh14								
C3	Văn	Sinh	Lý	GDCD	Tin	Toán	Lý	GDCD	Hóa	Hóa	Hóa	Toán	Toán	Sinh	Toán	C3
	Lý	Lý	Văn	Sinh	Hóa	ToánTA	Toán	Tin	Hóa	CN	Sinh	Toán	GDCD	Toán		
	Văn	Hóa	Văn	Tin	Lý	Toán	CN	Lý	Toán	Hóa	Hóa	GDCD	Sinh	Toán	Sinh	
	ToánTA	Toán	GDCD	CN	Hóa	Hóa	Toán	Hóa	Văn	GDCD	Lý	Tin	Lý	Toán	Văn	
	GDCD	Toán	Hóa		CN		Tin	Hóa	Văn			Sinh		Hóa	Văn	
PHT																PHT
PHT																PHT
C4	Toán	GDCD	Sinh	Hóa	Toán	Toán	Hóa	Sử	Tin	ToánTA	CN	Toán	Lý	Lý	Toán	C4
	Toán	CN	ToánTA	Lý	GDCD	Toán	Hóa	Sinh	Toán	Tin	GDCD	Lý	Hóa	Sử	Toán	
	Toán	ToánTA	Tin	Hóa	Toán			CN	Toán	Lý		Lý			GDCD	
												Pháp7(4)				
												Pháp7(5)				
PHT																PHT
PHT																PHT
	Anh3	Anh4	Anh5	Anh7	Anh8	Anh12	Anh15	Anh16								
C5	Sinh	Lý	Văn	Sử	ToánTA	Hóa	Văn	Địa	Lý	Toán	Toán	Toán	Tin	Toán	Sử	C5
	Địa	Hóa	Văn	Toán	Sử	Sinh	Văn	ToánTA	Lý	Địa	Sử	Toán	Toán	Tin	Lý	
	Sử	Văn	Hóa	Địa	Địa	Sử	ToánTA	Toán	Toán	Toán	Lý	Pháp(3)	Văn	Lý	Tin	
	Hóa	Văn	Sử	ToánTA	Sinh	Lý	Sử	Toán	Toán	Sử	Tin	Pháp(4)	Văn	Toán	Lý	
	Hóa	Sử	Địa			Lý			ToánTA			Pháp(5)				
PHT																PHT
	Anh1	Anh2	Anh6	Anh10	Anh11	Anh15	Anh16									
C6	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh				Hàn	Đức	Nhật		Đức	C6
	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh				Hàn	Đức	Nhật		Đức	
	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh					Đức	Nhật		Đức	
	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh									
PHT																PHT

KHỐI 10 - BUỔI CHIỀU

TG/Lớp	10A1	10A2	10A3	10A4	10A5	10A6	10A7	10A8	10A9	10A10	10B	10C	10D	10E	10G	Thứ
PHC	202	203	204	205	206	207	208	209	210	210	212	213	214	216	217	Phòng
NN	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Anh	Ng-H	P-Đ	Nhật	Trung	Đức	NN
C2	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	S.Hoạt	C2
	Toán	Văn	Toán	Văn	Văn	Văn	Địa	Toán	Sử	Sinh	Văn	Hóa	Văn	Địa	CN	
	Toán	Văn	Toán	Văn	Văn	Văn	Sinh	Lý	GDCD	Toán	Văn	Văn	Văn	Hóa	Địa	
	CN	Địa	Lý	Toán	Toán	CN	Văn	Văn	Sinh	Văn	Toán	Văn	Sử	Văn	Văn	
			CN	Toán		Địa	Văn	Văn	CN	Văn	Toán	Sử	GDCD	Văn	Văn	
PHT																PHT
																PHT
C3	Văn	Sinh	Lý	GDCD	Tin	Toán	Lý	GDCD	Hóa	Hóa	Hóa	Toán	Toán	Sinh	Toán	C3
	Lý	Lý	Văn	Sinh	Hóa	ToánTA	Toán	Tin	Hóa	CN	Sinh	Toán	Toán	GDCD	Toán	
	Văn	Hóa	Văn	Tin	Lý	Toán	CN	Lý	Toán	Hóa	Hóa	GDCD	Sinh	Toán	Sinh	
	ToánTA	Toán	GDCD	CN	Hóa	Hóa	Toán	Hóa	Văn	GDCD	Lý	Tin	Lý	Toán	Văn	
	GDCD	Toán	Hóa		CN		Tin	Hóa	Văn			Sinh		Hóa	Văn	
PHT																PHT
PHT																PHT
C4	Toán	GDCD	Sinh	Hóa	Toán	Toán	Hóa	Sử	Tin	ToánTA	CN	Toán	Lý	Lý	Toán	C4
	Toán	CN	ToánTA	Lý	GDCD	Toán	Hóa	Sinh	Toán	Tin	GDCD	Lý	Hóa	Sử	Toán	
	Toán	ToánTA	Tin	Hóa	Toán			CN	Toán	Lý		Lý			GDCD	
												Pháp7(4)				
												Pháp7(5)				
PHT																PHT
																PHT
C5	Sinh	Lý	Văn	Sử	ToánTA	Hóa	Văn	Địa	Lý	Toán	Toán	Toán	Tin	Toán	Sử	C5
	Địa	Hóa	Văn	Toán	Sử	Sinh	Văn	ToánTA	Lý	Địa	Sử	Toán	Toán	Tin	Lý	
	Sử	Văn	Hóa	Địa	Địa	Sử	ToánTA	Toán	Toán	Toán	Lý	Pháp(3)	Văn	Lý	Tin	
	Hóa	Văn	Sử	ToánTA	Sinh	Lý	Sử	Toán	Toán	Sử	Tin	Pháp(4)	Văn	Toán	Lý	
	Hóa	Sử	Địa			Lý			ToánTA			Pháp(5)				
PHT																PHT
																PHT
C6	Lý	Toán	Toán	Văn	Văn	GDCD	Toán	Toán	Văn	Toán	Văn	Văn	Địa	Toán	Hóa	C6
	Tin	Toán	Toán	Văn	Văn	Văn	Lý	Toán	Văn	Toán	Địa	Văn	CN	Văn	Hóa	
	Văn	Tin	Toán	Toán	Lý	Toán	GDCD	Văn	Địa	Văn	Toán	Hóa	Toán	Văn	Toán	
	Văn	Toán		Lý	Toán	Tin	Toán	Văn		Văn	Toán	Địa	Toán	CN		
				Toán	Toán	Văn	Toán			Lý	Văn	CN	Hóa			
PHT																PHT